TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 02/2023/DS-ST
Ngày 16/01/2023
"V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Trúc;
2. Ông Trần Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2022/TLST-DS ngày -07 tháng 6 năm 2022 về việc *"Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST-DS ngày 05/12/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* QTDND An Khê; địa chỉ trụ sở: 136A Đỗ Trạc, Tổ 2, phường Tây Sơn, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn R - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 5, phường An Bình, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Hồng S; địa chỉ: Tổ 5, phường An Bình, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, đại diện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn R trình bày:

Vào ngày 27/7/2020 QTDND An Khê, sau đây gọi tắt là QTD, có ký hợp đồng tín dụng số 1918/21111012/HĐTD (sau đây gọi tắt là hợp đồng tín dụng) với chị Nguyễn Thị Thúy K; trú tại Tổ 8 (nay là Tổ 5), phường An Bình, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo nội dung hợp đồng, QTDcho chị K vay 500.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 12,045%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Biện pháp bảo đảm tiền vay là nhà và đất tại Tổ 5, phường An Bình, thị

xã A, tỉnh Gia Lai theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được ký kết giữa vợ chồng chị K, anh S và QTD nhân dân An Khê ngày 27/7/2020.

Hết thời hạn vay nhưng vợ chồng chị K, anh S vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi theo quy định. Do vậy QTDyêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị K và anh S phải trả tiền còn nợ là 692.500.959đ, trong đó tiền gốc là 500.000.000đ và tiền lãi tính từ khi vay đến nay là 192.500.959đ. Đồng thời yêu cầu Tòa án tuyên quyền được xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và nhà trong trường hợp vợ chồng chị K, anh S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hồng S vắng mặt và không có ý kiến, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa theo các triệu tập, thông báo của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ từ hợp đồng tín dụng là 692.500.959đ. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hồng S, trú tại Tổ 5, phường An Bình, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả tiền còn nợ từ hợp đồng tín dụng. Theo kết quả xác minh, bị đơn có địa chỉ cư trú đúng với địa chỉ mà nguyên đơn đã ghi trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ ghi trong hợp đồng. Tuy nhiên bị đơn đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn và cơ quan có thẩm quyền biết về nơi cư trú mới nên theo quy định tại khoản 3 Điều 40 và điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự, thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do vậy Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và niêm yết các văn bản tố tụng, tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án thực hiện thủ tục triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, theo quy định

tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hồng S phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp đồng tín dụng số 1918/21111012/HĐTD ngày 27/7/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được công chứng viên chứng nhận ngày 27/7/2020. Chị K, anh S không có ý kiến phản đối nên có căn cứ xác định hợp đồng vay tiền và hợp đồng thế chấp là có thật, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

[4] Các bên thỏa thuận bên vay vốn là chị Nguyễn Thị Thúy K, anh Nguyễn Hồng S tham gia xác lập hợp đồng với tư cách là người thừa kế. Tuy nhiên không có căn cứ xác định chị K đã chết nên chưa có căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của anh Nguyễn Hồng S theo quy định của pháp luật về thừa kế tại Điều 611 và Điều 614 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, theo mục đích vay thể hiện tại hợp đồng vay là phục vụ hoạt động kinh doanh, gia công hàn cửa sắt, nhôm; tại hợp đồng thế chấp anh S và chị K cùng là bên thế chấp để bảo đảo nghĩa vụ trả nợ, nên xác định mục đích vay tiền này là nhằm sử dụng chung, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản đối với nghĩa vụ mà vợ hoặc chồng phải thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình, anh Nguyễn Hồng S phải có nghĩa vụ liên đới với chị Nguyễn Thị Thúy K trong việc thực hiện nghĩa vụ với QTDtrong hợp đồng này.

[5] Nguyên đơn yêu cầu chị K, anh S phải liên đới trả tiền gốc còn nợ là 500.000.000đ. Theo hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng thể hiện số tiền vay đã giải ngân vào ngày 28/7/2020 là 500.000.000đ. Thời hạn trả nợ là ngày 28/7/2021, đã hết thời hạn nhưng chị K, anh S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị K, anh S phải liên đới trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 500.000.000đ.

[6] Nguyên đơn yêu cầu chị K, anh S phải trả lãi trong hạn, lãi quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng. Hợp đồng tín dụng số 1918/21111012/HĐTD là hợp đồng vay có lãi và có kỳ hạn nên khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì phải trả lãi theo lãi suất các bên thỏa thuận theo Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng.

Chị K, anh S từ khi vay đến nay vẫn chưa trả lãi, do vậy tiền lãi trong hạn tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân cho đến ngày QTDxác định tính lãi quá hạn theo phụ lục hợp đồng là ngày 09/8/2021 là 378 ngày, do vậy tiền lãi trong hạn bị đơn phải trả là (500.000.000đ x 12,045%/năm)/365 ngày x 378 ngày = 62.370.000đ.

[8] Tiền lãi quá hạn được tính từ ngày 09/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 16/01/2023 là 526 ngày, tiền lãi quá hạn bị đơn phải trả là (500.000.000đ x 18.06%/năm)/365 ngày x 526 ngày = 130.130.959đ.

[9] Nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Theo hợp đồng thế chấp số 3372/HĐ-GD ngày 27/7/2020, chị K, anh S thế chấp nhà và đất tại phường An Bình, thị xã A để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho khoản tiền vay tại QTD. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng viên chứng nhận, tài sản thế chấp là nhà và đất đã được đăng ký thế chấp đúng quy định. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quyền được yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ trong trường hợp chị Nguyễn Thị Thúy K và anh Nguyễn Hồng S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Điều 299, Điều 323 của Bộ luật Dân sự.

[10] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.800.000đ, do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[11] Nguyên đơn có yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc khởi kiện đối với chị K, anh S. Theo quy định tại khoản 2 Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn phải chịu tiền lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.242.900đ.

[12] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 31.693.438đ. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 3 Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 3, Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 299, Điều 323 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn QTDND An Khê,

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hồng S phải liên đới trả cho QTDND An Khê số tiền còn nợ từ hợp đồng tín dụng là 692.335.959đ (sáu trăm chín mươi hai triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng), trong đó tiền nợ gốc là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), tiền nợ lãi trong hạn là 62.370.000đ (sáu mươi hai triệu, ba

trăm bảy mươi nghìn đồng), tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 16/01/2023 là 130.130.959đ (một trăm ba mươi triệu, một trăm ba mươi nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong chị K, anh S còn phải chịu tiền lãi phát sinh của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 1918/21111012/HĐTD ngày 27/7/2020.

Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của QTDmà chị K, anh S phải thanh toán cho QTDtheo quyết định này cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của QTD.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp chị K, anh S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì QTDND An Khê có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản chị K, anh S đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của chị K, anh S tại thửa đất số 06a, tờ bản đồ số 108, tại Tổ 5 (trước đây là Tổ 8), phường An Bình, thị xã A, tỉnh Gia Lai, đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 425597 ngày 10/8/2006.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.800.000đ, chị K, sanh S phải liên đới chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nên chị K, anh S phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn QTDND An Khê số tiền 2.800.000đ *(hai triệu, sáu trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.242.900đ (bốn triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, chín trăm đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp, nguyên đơn đã nộp đủ lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

5. Về án phí: Chị K, anh S phải liên đới nộp 31.693.438đ (ba mươi mốt triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn QTDkhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho QTDND An Khê tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.694.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011787 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 16/01/2023. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Thảo